

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THẮNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con.

Các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập bằng cách cộng từng chỉ tiêu thuộc Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con sau đó thực hiện điều chỉnh cho các nội dung sau:

- Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong Công ty con và phần vốn của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được loại trừ toàn bộ;
- Lợi ích của cổ đông thiểu số được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Giá trị các khoản mục phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ hoàn toàn;
- Các chỉ tiêu doanh thu, chi phí phát sinh từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa Công ty mẹ và Công ty con, cổ tức, lợi nhuận đã phân chia và đã ghi nhận được loại trừ toàn bộ.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí} & & \text{Giá trị} & & \text{Thu nhập} & & \text{Chi phí} & & \text{Lãi vay} \\ \text{sản xuất kinh doanh} & = & \text{sản lượng} & - & \text{chịu thuế} & - & \text{quản lý} & - & \text{ước tính} \\ \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{tính trước} & & \text{ước tính} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THẮNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	6 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

6. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

7. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 05 năm.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 08 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 2% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ và Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

13. Chi phí đi vay

Các chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động xây lắp, được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có biên bản nghiệm thu A - B và được khách hàng chấp nhận, lập phiếu giá thanh toán.

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Tập đoàn được trình bày ở thuyết minh VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.530.761.713	1.534.800.206
Tiền gửi ngân hàng	14.734.429.477	13.134.347.521
Các khoản tương đương tiền	20.342.552.667	-
Cộng	38.607.743.857	14.669.147.727

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng sử dụng dịch vụ xây dựng, lắp đặt	62.036.327.447	29.405.521.388
Khách hàng mua điện, nước và dịch vụ khác	10.351.517.276	5.931.060.304
Cộng	72.387.844.723	35.336.581.692

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	4.809.757.608	916.000.000
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	9.536.690.034	5.654.190.165
Cộng	14.346.447.642	6.570.190.165

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
BHXH, BHYT phải thu nhân viên	42.735.858	45.213.010
Tiền đền bù đã trả hộ cho dân chưa quyết toán với chủ đầu tư	5.262.456.341	4.329.313.776
Các khoản phải thu khác	457.415.158	141.480.881
Cộng	5.762.607.357	4.516.007.667

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	21.742.654.814	7.408.355.849
Công cụ, dụng cụ	416.112.654	134.930.839
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.213.351.289	28.888.050.683
Cộng	71.372.118.757	36.431.337.371

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí Công cụ dụng cụ chờ phân bổ:

Số đầu năm	
Tăng trong năm	394.815.297
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(290.696.862)
Số cuối năm	104.118.435

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	7.078.554.194	8.146.397.822
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.012.000.000	2.148.500.000
Cộng	9.090.554.194	10.294.897.822

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.302.256.891	2.434.628.706	375.824.515	5.112.710.112
Tăng do mua sắm mới	2.311.062.348	3.070.210.899	179.013.523	5.560.286.770
Giảm do thiên tai	(38.917.123)	(48.025.172)	-	(86.942.295)
Giảm khác	(206.168.748)	-	(13.601.592)	(219.770.340)
Số cuối năm	4.368.233.368	5.456.814.433	541.236.446	10.366.284.247
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	601.702.152	355.037.150	7.759.225	964.498.527
Tăng do khấu hao trong năm	925.659.914	1.009.520.802	91.678.606	2.026.859.322
Giảm do thiên tai	(17.190.935)	(22.379.076)	-	(39.570.011)
Giảm khác	(90.035.319)	-	(7.674.380)	(97.709.699)
Số cuối năm	1.420.135.812	1.342.178.876	91.763.451	2.854.078.139
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.700.554.739	2.079.591.556	368.065.290	4.148.211.585
Số cuối năm	2.948.097.556	4.114.635.557	449.472.995	7.512.206.108

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	35.047.619	5.525.239.151	5.560.286.770	-	-
XDCB dở dang	-	5.384.463.176	-	-	5.384.463.176
- CT Trụ sở Công ty	-	5.085.566.106	-	-	5.085.566.106
- CT Nhà máy thủy điện To Buông	-	298.897.070	-	-	298.897.070
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	53.400.000	-	53.400.000	-
Cộng	35.047.619	10.963.102.327	5.560.286.770	53.400.000	5.384.463.176

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư trái phiếu	5.000.000.000	-
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	3.000.000.000	-
Cộng	8.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	392.042.457	546.189.773	470.253.537	11.408.759	456.569.934
Thương hiệu Sông Đà	1.437.500.000	-	150.000.000	-	1.287.500.000
Lợi thế thương mại	718.750.000	-	75.000.000	-	643.750.000
Chi phí sửa chữa tài sản	-	95.356.000	52.539.936	-	42.816.064
Cộng	2.548.292.457	641.545.773	747.793.473	11.408.759	2.430.635.998

12. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

13. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất Công ty con - Công ty Cổ phần Thủy điện Tobuông, chi tiết tăng giảm trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số phát sinh trong năm	2.450.000.000
Số kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm	(122.500.000)
Số cuối năm	2.327.500.000

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	13.409.987.024	4.188.174.165
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ^(a)	2.142.595.083	4.188.174.165
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội ^(b)	11.267.391.941	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	41.833.192.078	7.366.022.034
- Vay Công ty Tài Chính Cổ phần Sông Đà ^(c)	41.833.192.078	-
- Vay Công ty Cổ phần Sông Đà 11	-	7.366.022.034
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20)	846.697.656	-
Cộng	56.089.876.758	11.554.196.199

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Quang Trung để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong Chi nhánh Hà Nội để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và tài trợ thương mại. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc duy trì giá trị các khoản phải thu tối thiểu là 30.000.000.000 VND.

(c) Vay Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà theo lãi suất không vượt quá lãi suất trần của Ngân hàng Nhà nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng uy tín và năng lực của bên vay, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Tăng khác (lãi vay nhập gốc)	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.188.174.165	30.512.322.969	-	-	21.290.510.110	13.409.987.024
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	7.366.022.034	56.345.399.898	-	1.962.738.372	23.840.968.226	41.833.192.078
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	846.697.656	-	-	846.697.656
Cộng	11.554.196.199	86.857.722.867	846.697.656	1.962.738.372	45.131.478.336	56.089.876.758

15. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	38.553.764.095	7.562.885.891
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	9.947.206.369	9.138.546.221
Cộng	48.500.970.464	16.701.432.112

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	36.740.928.499	33.014.837.333
<i>Khối lượng xây dựng, lắp đặt</i>	36.259.084.340	32.247.205.119
<i>Tiền mua điện, nước và dịch vụ khác</i>	481.844.159	767.632.214
Doanh thu chưa thực hiện	938.999.673	2.599.939.999
Cộng	37.679.928.172	35.614.777.332

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.457.031.203	8.122.759.393	9.837.710.874	2.742.079.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.151.106.989	2.398.403.686	900.000.000	2.649.510.675
Thuế thu nhập cá nhân	-	64.288.342	26.237.090	38.051.252
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	5.608.138.192	10.592.451.421	10.770.947.964	5.429.641.649

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Công trình xây dựng, lắp đặt, bán điện và các dịch vụ khác	10%
Bán thiết bị xây lắp và nước sạch	5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THẮNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.052.078.154	4.001.707.363
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	360.345.620	109.389.026
- Các khoản điều chỉnh tăng	360.345.620	109.389.026
+ Chi phí BHXH trích thiếu năm 2008	40.341.282	
+ Tiền phạt do chậm nộp BHXH	18.778.638	28.267.766
+ Thuế bị phạt, bị truy thu	725.700	21.121.260
+ Tiền phạt do vi phạm luật giao thông	4.000.000	-
+ Thù lao HĐQT và BKS không điều hành sản xuất	174.000.000	60.000.000
+ Giá trị lợi thế thương mại phân bổ	122.500.000	
Tổng thu nhập chịu thuế	9.412.423.774	4.111.096.389
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.353.105.944	1.151.106.989
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	45.297.742	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.398.403.686	1.151.106.989

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	17.778.385	15.127.197
Chi phí vận chuyển	14.000.000	-
Chi phí thuê nhà	26.400.000	13.200.000
Tiền điện tại công trình Xekaman 1	47.696.673	77.129.524
Trích trước chi phí ca máy	-	300.000.000
Khối lượng xây lắp tạm tính	6.482.818.418	3.684.205.976
Cộng	6.588.693.476	4.089.662.697

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp	1.406.096.469	914.562.633
Bảo hiểm y tế	4.711.139	180.280.056
Kinh phí công đoàn	408.132.377	223.045.954
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	49.220.000	121.749.403
Tiền khối lượng chưa thanh toán cho chủ nhiệm công trình hoặc chi quá tạm ứng chưa trả	1.212.414.153	1.403.098.732
Chủ đầu tư cấp nguồn chi trả hộ tiền đền bù (chưa quyết toán)	5.858.095.986	4.317.586.033
Mượn tạm Công ty Cổ phần Sông Đà 11	300.000.000	-
Các khoản phải trả khác	1.304.921.653	789.040.714
Cộng	10.543.591.777	7.949.363.525

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung</i>	<i>2.055.130.116</i>	-
- <i>Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD^(a)</i>	<i>1.020.554.013</i>	-
- <i>Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD^(b)</i>	<i>1.034.576.103</i>	-
Cộng	2.055.130.116	-

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”, giá trị tài sản tạm tính: 2.736.180.225 VND.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”, giá trị tài sản tạm tính: 3.826.900.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	2.055.130.116
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	2.055.130.116

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng

Số tiền vay phát sinh trong năm	3.108.047.469
Số tiền vay đã trả trong năm	(206.219.697)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(846.697.656)
Số cuối năm	2.055.130.116

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	23.904.865
Số trích lập trong năm	173.612.062
Số chi trong năm	(8.641.300)
Số cuối năm	188.875.627

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THẮNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước						
Cổ đông góp vốn	26.055.000.000	-	-	-	-	- 26.055.000.000
Trong đó góp bằng tiền	10.290.921.103	-	-	-	-	- 10.290.921.103
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	2.850.600.374	2.850.600.374
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(55.000.000)	(55.000.000)
Số dư cuối năm trước	26.055.000.000	-	-	-	2.795.600.374	28.850.600.374
Số dư đầu năm nay	26.055.000.000	-	-	-	2.795.600.374	28.850.600.374
Cổ đông góp vốn bằng tiền	23.945.000.000	5.000.000.000				- 28.945.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.653.674.468	6.653.674.468
PP lợi nhuận năm 2008	-	-	859.710.318	142.530.019	(1.232.300.374)	(230.060.037)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2009	-	-	-	-	(68.335.963)	(68.335.963)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	5.000.000.000	859.710.318	142.530.019	8.148.638.505	64.150.878.842

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	50.000.000.000	26.055.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.000.000.000	-
Cộng	55.000.000.000	26.055.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	2.605.500
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	2.605.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	2.605.500
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	2.605.500

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	10.000.000
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	298.396.000
Chi quỹ trong năm	(308.396.000)
Số cuối năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THẮNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh điện	12.953.624.666	2.594.366.104
Doanh thu bán vật tư	955.474.415	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.749.361.178	11.739.029.954
Doanh thu hoạt động xây dựng	197.029.639.804	67.613.423.828
Cộng	228.688.100.063	81.946.819.886

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động kinh doanh điện	11.775.308.310	2.007.377.478
Giá vốn của hoạt động bán vật tư	850.078.729	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.069.674.065	8.441.543.198
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	175.049.717.199	57.743.330.126
Cộng	200.744.778.303	68.192.250.802

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	134.085.047	27.322.158
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	748.256.073	-
Cộng	882.341.120	27.322.158

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	9.157.655.365	3.312.157.602
Chi phí vật liệu quản lý	1.096.141.722	287.294.638
Chi phí đồ dùng văn phòng	622.467.744	194.987.944
Chi phí khấu hao TSCĐ	544.733.683	158.459.315
Thuế, phí và lệ phí	339.305.411	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	60.854.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.498.979.576	1.045.828.514
Chi phí bằng tiền khác	2.541.337.692	1.748.575.844
Cộng	16.800.621.193	6.811.158.597

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bán hồ sơ thầu	10.000.000	-
Thu nhập từ bán tài sản cố định	-	95.238.095
Thu nhập khác	-	4.605.736
Cộng	10.000.000	99.843.831

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị tài sản, vật tư thiệt hại do thiên tai	79.981.027	-
Giá trị còn lại tài sản cố định đã bán trong năm	-	95.238.095
Điều chỉnh giảm công nợ phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Công trình đường dây 500 kV Pleiku - Dốc Sỏi theo giá trị quyết toán được phê duyệt (doanh thu đã ghi nhận từ trước thời điểm cổ phần)	-	2.098.246.650
Tiền phạt do chậm nộp BHXH	18.778.638	11.777.683
Thuế bị phạt, bị truy thu	725.700	21.121.260
Tiền phạt do vi phạm luật giao thông	4.000.000	-
Các khoản chi khác	40.341.282	5.938.177
Cộng	143.826.647	2.232.321.865

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.653.674.468	2.850.600.374
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.653.674.468	2.850.600.374
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.980.583	937.375
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.232	3.041

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.605.500	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	375.083	937.375
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.980.583	937.375

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	673.679.337	504.981.056
Phụ cấp	276.000.000	136.000.000
Tiền thưởng	-	2.100.000
Cộng	949.679.337	643.081.056

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		
<i>Giao dịch bán hàng</i>	24.800.688.495	37.915.507.941
Khối lượng Công trình thực hiện trong năm	22.546.080.450	34.468.643.583
Thuế GTGT	2.254.608.045	3.446.864.358
<i>Giao dịch mua hàng</i>	1.405.531.937	289.493.257
Khối lượng công trình thực hiện trong năm	463.234.878	263.175.688
Thuế GTGT	46.323.488	26.317.569
Mua vật tư	814.521.428	-
Thuế GTGT	81.452.143	-
<i>Giao dịch khác</i>	9.338.502.143	45.589.506.253
Nhận tiền góp vốn trong năm	2.000.000.000	-
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng công trình nước Thái Bình tại Công ty Cổ phần Sông Đà 11	151.566.600	354.627.159
Nhận bàn giao vốn vay ngắn hạn	-	30.426.778.990
Vay ngắn hạn trong năm	6.415.093.076	14.808.100.104
Lãi vay ngắn hạn nhập gốc	471.842.467	-
Vay không tính lãi	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11		
<i>Giao dịch mua hàng</i>	676.920.131	-
Khối lượng Công trình thực hiện trong năm	615.381.937	-
Thuế GTGT	61.538.194	-
<i>Giao dịch khác</i>	3.000.000.000	-
Góp vốn điều lệ	3.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Vinaconex, Số 8, Đường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	19.679.768.145	17.937.402.473
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	19.173.574.386	17.582.775.314
Kỹ quỹ, ký cược	506.193.759	354.627.159
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	764.615.829	-
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	764.615.829	-
Cộng nợ phải thu	20.444.383.974	17.937.402.473
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	13.356.421.015	18.148.264.278
Vay vốn lưu động	-	9.910.799.000
Vay không tính lãi	300.000.000	-
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	11.452.583.791	7.366.022.034
Phải trả tiền khối lượng	1.603.837.224	871.443.244
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	101.889.893	-
Phải trả tiền mua vật tư	101.889.893	-
Cộng nợ phải trả	13.458.310.908	18.148.264.278

2. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

3. Những thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm trước của Công ty mẹ đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Quang

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn